

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

Số: 136 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Công nghệ Silica Việt Nam tại Văn bản số 108/VSL ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 112/VSL-VB ngày 01 tháng 12 năm 2025 về giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến cát và sản xuất đá nhân tạo Vinasilica và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 3162/TTr-KKTCN ngày 24 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Công nghệ Silica Việt Nam, địa chỉ tại số 135, đường Sóng Hồng, phường Phú Bài, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến cát và sản xuất đá nhân tạo Vinasilica với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở

- 1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến cát và sản xuất đá nhân tạo Vinasilica.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-08, Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, phường Phong Điền, thành phố Huế.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án số 2635653022, được Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2024; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 19 tháng 5 năm 2025.
- 1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301728655, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2024; đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 02 năm 2025.
- 1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án
 - Diện tích sử dụng đất: Khoảng 3,78 ha.
 - Quy mô công suất thiết kế: Khoảng 500.000 m² đá/năm; 15.000 tấn frit thủy tinh/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Công nghệ Silica Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Phong Điền;
- Công ty Cổ phần Công nghệ Silica Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử của UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD;
- Lưu VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 136/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Bụi, khí thải phát sinh tại dự án trong quá trình sản xuất từ các công đoạn:

- Nguồn số 01: Silo chứa hỗn hợp nguyên liệu sau khi phối trộn của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh.
- Nguồn số 02: Các máy nghiền và thiết bị sàng frit sau khi nghiền của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh.
- Nguồn số 03: Lò sấy xỉ thủy tinh của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh.
- Nguồn số 04: Công đoạn trộn của dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thủy tinh.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Dự án có 04 dòng bụi, khí thải phát sinh được thu gom, xử lý xả thải vào môi trường, bao gồm:

- Dòng số 01: Khí thải từ nguồn số 01 sau khi được xử lý xả ra môi trường qua ống thải 01;
- Dòng số 02: Khí thải từ nguồn số 02 sau khi được xử lý xả ra môi trường qua ống thải 02;
- Dòng số 03: Khí thải từ nguồn số 03 sau khi được xử lý xả ra môi trường qua ống thải 03;
- Dòng số 04: Khí thải từ nguồn số 04 sau khi được xử lý xả ra môi trường qua ống thải 04.

2.2. Vị trí xả thải: Tại 04 ống thải

Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):

STT	Mô tả	Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	Ống thải 1	1836082	539264

STT	Mô tả	Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
2	Ống thải 2	1836159	539166
3	Ống thải 3	1836114	539219
4	Ống thải 4	1836023	539205

2.3. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất khoảng 81.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng số 01: Bụi thải phát sinh từ silo chứa hỗn hợp nguyên liệu sau khi phối trộn của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh với lưu lượng lớn nhất là 12.000 m³/giờ.

- Dòng số 02: Bụi thải phát sinh từ các máy nghiền và thiết bị sàng frit sau khi nghiền của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh với lưu lượng lớn nhất là 12.000 m³/giờ.

- Dòng số 03: Khí thải phát sinh từ máy sấy xỉ thủy tinh của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh với lưu lượng lớn nhất là 27.000 m³/giờ.

- Dòng số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn trộn của dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thủy tinh với lưu lượng lớn nhất là 30.000 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong thời gian hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo QCVN 19: 2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01 và dòng thải số 02

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	100	06 tháng/lần

- Dòng thải số 03

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	50	06 tháng/lần
2	CO	mg/Nm ³	300 (13)	
3	SO ₂	mg/Nm ³	350 (13)	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	350 (13)	

- Dòng thải số 04

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	mg/Nm ³	150	06 tháng/lần
2	Styren	mg/Nm ³	100	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải tại các điểm phát sinh bụi, khí thải trong các công đoạn sản xuất tại dây chuyền sản xuất frit thủy tinh và dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thủy tinh.

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại dây chuyền sản xuất frit thủy tinh.

Chủ dự án lắp đặt thiết bị bộ lọc bụi và hệ thống cyclone thu gom, xử lý bụi, khí thải tại các điểm phát sinh trong các công đoạn sản xuất frit thủy tinh.

1.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải công đoạn phối trộn, nghiền và sàng.

Chủ dự án lắp đặt 02 thiết bị lọc bụi (Bộ lọc bụi 1 và Bộ lọc bụi 2) có thông số kỹ thuật mỗi thiết bị như sau: Quạt hút với công suất tối đa là 12.000 m³/giờ; thân bộ lọc bụi có kích thước dài 7,8 m x rộng 4,0 m x cao 10,6 m; số lượng túi lọc khoảng 35 cái.

- Tại công đoạn phối trộn nguyên liệu: Bụi được thu gom thông qua chụp hút được bố trí tại các miệng xả liệu vào tại các silo và thông qua đường ống thép D600, chiều dài 50m để dẫn về Bộ lọc bụi 1 để xử lý. Sau xử lý, bụi được thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất, dòng khí thải sau xử lý tại Bộ lọc bụi 1 (có kích thước dài 7,8m x rộng 4,0m x cao 10,6m) sẽ được xả ra môi trường thông qua ống thải 01, chiều cao 20m.

- Tại công đoạn nghiền, sàng frit sau khi nghiền: Chủ dự án bố trí các chụp hút phía sau cửa xả frit của máy nghiền để thu gom dòng khí chứa bụi; các chụp hút hai bên sườn máy sàng frit để thu gom dòng khí chứa bụi, sử dụng đường ống thép D600, chiều dài 30m để dẫn về Bộ lọc bụi 2 để xử lý. Sau xử lý, bụi được thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất, dòng khí thải sau xử lý tại Bộ lọc bụi 2 (có kích thước dài 7,8m x rộng 4,0m x cao 10,6m) sẽ được xả ra môi trường thông qua ống thải 02, chiều cao 20m.

- Quy trình xử lý bộ lọc bụi: Khí thải sẽ đi vào Bộ lọc bụi từ bên dưới và đi qua các túi lọc vải đặt trong thiết bị, tại đây các hạt bụi được giữ lại và rơi xuống đáy. Sau một thời gian hoạt động nhất định, bụi bám trên các túi lọc làm giảm hiệu suất lọc không khí, hệ thống điều khiển tự động sẽ tạo các xung chấn bằng cách thổi khí có áp vào các túi lọc làm bụi rơi xuống đáy thiết bị; tại đó, thông qua van bụi để xả vào các thùng chứa. Khí sạch tiếp tục đi xuyên qua các túi lọc để đi lên và thông qua quạt hút để đi đến ống thải để xả ra môi trường.

- Công suất xử lý: Công suất xử lý tối đa của mỗi Bộ lọc bụi là 12.000 m³/giờ.

1.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải công đoạn sấy xỉ thủy tinh.

Chủ dự án lắp đặt 01 thiết bị Cyclone khô xử lý bụi với công suất xử lý tối đa là 27.000 m³/giờ có kích thước thân với chiều cao 2,0m x 6m.

Khí thải từ công đoạn nấu thủy tinh được tận dụng để sử dụng cho công đoạn sấy xỉ thủy tinh. Chủ dự án lắp đặt thiết bị cyclon để xử lý bụi, khí thải tại công đoạn sấy. Dòng khí có nhiệt độ cao từ lò nấu thủy tinh sau khi qua buồng trao đổi nhiệt (để giảm nhiệt độ) thông qua quạt hút và đường ống thép D1000 chiều dài 20m đi vào thiết bị sấy để sấy khô xỉ thủy tinh. Dòng khí thải sau đó được thu gom vào đường ống thép D1000 và đưa về Cyclone để xử lý bụi trước khi xả ra môi trường qua ống thải 03 (chiều cao 20m).

- Quy trình xử lý: Dòng khí thải từ lò sấy thông qua ống thép D1000 đi đến Cyclone, tại đây không khí chuyển động theo phương tiếp tuyến đường tròn đường kính của cyclone tạo ra chuyển động xoáy bên trong thiết bị, dòng khí chuyển động xoáy tạo lực ly tâm làm các hạt bụi bị va đập vào thành bên trong của cyclone nên bị mất động năng và trượt xuống đáy Cyclone sau đó thông qua van xả bụi để xả vào các thùng chứa dòng khí sau khi tách bụi sẽ chuyển hướng đi lên đỉnh cyclone, sau đó thông qua quạt hút và ống thải để xả ra môi trường.

- Công suất xử lý: công suất xử lý tối đa là 27.000 m³/giờ.

- Bụi, khí thải phát sinh tại dây chuyền sản xuất frit thủy tinh sau xử lý đạt QCVN 19: 2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C) trước khi theo ống thải xả ra môi trường.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thủy tinh

- Tại khu vực phối trộn, chủ dự án bố trí bằng bạt nylon phủ kín phía trên và 04 hướng nhằm ngăn cách với khu vực xung quanh nhà xưởng; tại đây, bố trí hệ thống chụp hút cục bộ nhằm thu gom toàn bộ hơi dung môi, sử dụng ống dẫn D1000 dẫn về thùng lọc than hoạt tính (có kích thước dài 4,5m x rộng 2,5 m x cao 2,5 m) để xử lý, sau đó được xả ra môi trường tại ống thải 04 (chiều cao 20m).

+ Quy trình xử lý: Khí thải phát sinh tại khu vực phối trộn được thu gom trực tiếp thông qua các chụp hút đặt tại nguồn phát sinh, dòng khí thải sau đó thông qua quạt hút và đường ống kín khí để dẫn đến thùng lọc than hoạt tính. Tại đây, các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và hơi dung môi có trong khí thải sẽ được xử lý thông qua cơ chế hấp phụ trên bề mặt lớp than hoạt tính, giúp loại bỏ hiệu quả các thành phần ô nhiễm ra khỏi dòng khí thải. Vật liệu lọc là than hoạt

tính (dạng khối, hình hộp hoặc hình trụ), gồm 200 viên (300g/viên)

+ Công suất xử lý: Chủ dự án lắp đặt 01 thùng lọc than hoạt tính với công suất xử lý tối đa là 30.000 m³/giờ.

- Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19: 2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C) trước khi theo ống thải xả ra môi trường.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: Hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, ...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, đường ống dẫn khí. Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Phong Điền) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Thiết bị xử lý bụi tại công đoạn nghiền, sàng frit (Bộ lọc bụi số 02)
 - Cyclone xử lý bụi của dây chuyền sản xuất frit thủy tinh;
 - Hệ thống thùng lọc than hoạt tính của dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thủy tinh.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 1: Tại ống thải 02;

- Vị trí 2: Tại ống thải 03;

- Vị trí 3: Tại ống thải 04.

(Theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này).

2.4. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Vị trí 1: Lưu lượng, Bụi (PM);
- Vị trí 02: Lưu lượng, Bụi (PM), SO₂, CO, NO_x (tính theo NO₂);
- Vị trí 3: Lưu lượng, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, Styren.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp quá trình vận hành các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải, hiệu suất xử lý không đảm bảo theo quy định, chủ dự án phải tiến hành rà soát, cải tạo hoặc nâng cấp (nếu có) để nồng độ bụi, khí thải xả ra môi trường đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Chủ dự án phải có trách nhiệm đầu tư, trang bị đầy đủ, thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân lao động trực tiếp tại Nhà máy. Quá trình hoạt động của dự án, trường hợp kết quả quan trắc môi trường lao động bên trong nhà xưởng vượt giá trị giới hạn cho phép theo quy định, chủ dự án phải có biện pháp, giải pháp kỹ thuật khắc phục nhằm đảm bảo môi trường lao động cho cán bộ công nhân.

- Đối với hoạt động của lò nấu thủy tinh, chủ dự án phải đảm bảo tuyệt đối sử dụng đúng loại nhiên liệu (LNG, Oxy) theo thành phần, khối lượng đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không sử dụng đúng loại nhiên liệu, thành phần dẫn đến phát sinh các thông số ô nhiễm khác hoặc thông số đã được cấp phép vượt giới hạn theo quy định.

- Đối với dây chuyền sản xuất đá nhân tạo gốc thủy tinh, yêu cầu chủ dự án đảm bảo việc thu gom triệt để mùi (do các hoá chất sử dụng), hơi dung môi tại các khu vực phát sinh; ban hành quy trình vận hành và bảo dưỡng và định kỳ thay vật liệu lọc than hoạt tính đảm bảo hệ thống mạng lưới đường ống thu gom, công suất thiết bị hút cưỡng bức và thiết bị xử lý đảm bảo để xử lý hiệu quả mùi, hơi dung môi phát sinh trong quá trình hoạt động. Trường hợp quá trình hoạt động, hệ thống thu gom xử lý theo cam kết đạt hiệu quả thấp, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh, chủ dự án phải có biện pháp, giải pháp khắc phục, cải tạo (nếu có). Ngoài ra, nếu có đề xuất điều chỉnh tần suất quan trắc môi trường định kỳ đối với nguồn thải xả ra môi trường từ 06 tháng/lần thành 01 năm/lần theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, chủ dự án phải có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 136/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

1. Các nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ các hoạt động rửa tay chân, vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ bồn xí, bồn tiểu.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động gia công đá nhân tạo.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom, xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải, công suất 30 m³/ngày.đêm của dự án sẽ dẫn về bể tuần hoàn, được chủ dự án tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

2.2. Vị trí xả nước thải

Chủ dự án tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải vào môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN, TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải tại dự án được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE. Nước thải sinh hoạt (Nước rửa tay chân được tách rác sơ bộ; nước thải tại các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ) và nước thải công nghiệp (nước thải từ hoạt động gia công đá được xử lý tại Cụm bể lắng) được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải của Dự án để xử lý, không xả thải ra môi trường.

Chủ dự án phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom nước mưa của dự án, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý và tái sử dụng triệt để. Tuyệt đối không phát sinh bất kỳ điểm xả, điểm đầu nổi nước thải ra bên ngoài khuôn viên Nhà máy hoặc thực hiện hành vi xả thải vào môi trường đất trong khuôn viên Nhà máy dưới mọi hình thức khi dự án đi vào vận hành.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ dự án xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải có công suất 30 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý được chủ dự án tái sử dụng cho sản xuất.

- Tóm tắt quy trình công nghệ

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể chứa tuần hoàn.

+ Nước thải sản xuất (phát sinh từ công đoạn gia công đá) → Hồ gom → Cùm bể lắng → Bể khử trùng (Hệ thống XLNT dự án) → Bể chứa tuần hoàn.

- Hóa chất sử dụng: Chất dinh dưỡng Methanol, hóa chất khử trùng Chlorine B.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

+ Phòng ngừa sự cố từ quá trình vận hành HTXLNT: Kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố; sử dụng nắp bể xử lý kín khí, không cho nước mặt thấm vào và có khả năng chống lực đẩy của nước từ trong bể...

+ Biện pháp khắc phục sự cố: Khi xảy ra sự cố, Chủ dự án tổ chức đội ứng cứu tại chỗ, sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra; huy động khẩn cấp nhân lực, phương tiện để khắc phục, đồng thời báo cáo ngay cho Công ty Cổ phần Prime Thiên Phúc được biết và khắc phục hậu quả; đồng thời, thực hiện công tác khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất có thể, hạn chế tối đa việc xả nước thải chưa xử lý trực tiếp ra môi trường...

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải của Dự án để xử lý trước khi tái sử dụng, không xả ra môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện có phát sinh bất kỳ điểm xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp hoặc xả ra môi trường bên trong và ngoài phạm vi dự án dưới mọi hình thức.

- Chủ dự án phải đảm bảo xây dựng tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom thoát nước thải của dự án. Đối với hệ thống xử lý nước thải của dự án, phải đảm bảo đầu tư xây dựng, lắp đặt tuân thủ theo quy trình công nghệ; kích thước, thể tích các bể xử lý theo Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án. Báo cáo đầy đủ thông tin về hồ sơ xây dựng, hoàn công, nghiệm thu, bàn giao công trình xử lý nước thải của dự án để các cơ quan

chuyên môn quản lý, giám sát theo quy định.

- Bố trí nhân sự chuyên trách vận hành, theo dõi và giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Trong thời gian hiệu lực của Giấy phép môi trường cấp cho dự án, trường hợp chủ dự án thay đổi từ tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sang đầu nối nước thải của dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để xem xét thực hiện đảm bảo theo quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 136/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển và sản xuất của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất trong khuôn viên của dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại khu vực sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy hoạt động cùng một lúc để giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn.

- Bố trí phương tiện giao thông ra vào Dự án hợp lý, tránh trường hợp nhiều phương tiện ra vào cùng thời điểm gây ách tắc giao thông dẫn đến mức ồn gia tăng.

- Hạn chế sử dụng còi xe đối với các xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và các loại xe ô tô ra vào dự án.

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh trong khuôn viên để giảm thiểu khả năng phát tán tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 136/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	2	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	2	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5	17 02 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	5	18 01 01
Tổng cộng		-	34	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTRCN thông thường
1	Bụi thu thu hồi từ hoạt động sản xuất (từ các thiết bị lọc bụi tại dây chuyền sản xuất frit thủy tinh)	Rắn	3.100	06 01 08
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	50	18 01 05
3	Sản phẩm hỏng thải bỏ (đá vụn từ quá trình ép, gia công đá)	Rắn	100	06 02 07
4	Bùn thải từ Cụm bể lắng	Bùn	41.500	12 06 13
5	Bùn thải từ quá trình xử lý	Bùn	300	12 06 12

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTRCN thông thường
	sinh học nước thải công nghiệp			
Tổng cộng		-	45.050	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 98 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong các thùng HDPE loại 120 lít có dán nhãn phân biệt, mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo (số lượng khoảng 05 thùng chứa).

- Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu giữ CTNH có diện tích 36,75 m². Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chủ dự án phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế). Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

- Tại khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn, khuôn viên dự án: Bố trí khoảng 06 bộ thùng rác 03 màu, chất liệu HPDE (thể tích 60 lít/thùng).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, tập kết về phòng chứa rác vô cơ và tái chế (diện tích 37,5 m²) và phòng chứa rác hữu cơ (diện tích khoảng 36,75 m²) nằm phía Nam của dự án.

- Chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý khí thải, Chủ dự án tiến hành thu gom và tái sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất. Đối với bao bì mềm, giấy ni lông,... sẽ đưa về Phòng chứa rác vô cơ và tái chế, sau đó chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Đối với Đá vụn từ quá trình ép và gia công đá sẽ được công nhân thu gom tập kết về Phòng chứa rác vô cơ và tái chế và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định. Ngoài ra, hoạt động của Dự án phát sinh bùn thải từ bể tự hoại, cụm bể lắng và bể chứa bùn (của Hệ thống xử lý nước thải), Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát trong quá trình hoạt động của dự án được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bể bơm nước cứu hỏa;
- Định kỳ tổ chức tập huấn phương án chữa cháy cho CBCNV;
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, vận hành máy móc đúng quy trình, các kho chứa nguyên liệu, phế liệu phải thông thoáng, gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ;
- Khi có cháy nổ xảy ra, lập tức báo ngay cho lực lượng PCCC để kịp thời ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;
- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi tại mỗi ca làm việc;

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi theo định kỳ;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu, ...;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 136/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng (tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi,...). Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của dự án. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên dự án dưới mọi hình thức. Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối việc xử lý, tuần hoàn toàn bộ các loại nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi dự án. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi dự án.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải tuân thủ quy trình xử lý của các công trình xử lý khí thải đã được cấp phép đảm bảo đạt quy định trước khi

xả ra môi trường; thực hiện quan trắc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (cửa) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với quan trắc định kỳ và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Nội dung thẩm định, cấp phép môi trường không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của Chủ dự án liên quan đến mọi hoạt động trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành Nhà máy theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan khác. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật./.